

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 20
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 19
Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20
Phụ lục 02: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp)	21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Tư vấn Thiết kế Viettel - theo quyết định số 2513/QĐ-BQP ngày 01/08/2009 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100109106-075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Chí	Ủy viên
Bà Trương Thị Thu Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Trụ	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Chí	Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Hùng	Quyền Phó Giám đốc
Ông Vũ Tiến Duy	Quyền Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Kim Hoa	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Thiều	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Đào Minh Hải	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel

Số 01 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Chí

Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel được lập ngày 13 tháng 01 năm 2017, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

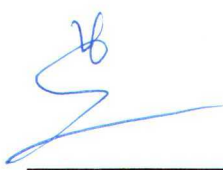
Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		88.281.589.347	76.208.359.379
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	71.163.627.153	67.169.134.202
111 1. Tiền		4.163.627.153	1.169.134.202
112 2. Các khoản tương đương tiền		67.000.000.000	66.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.607.664.073	8.186.571.997
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	16.178.290.526	7.854.246.440
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	5.720.000
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	5	429.373.547	326.605.557
140 IV. Hàng tồn kho	6	364.048.121	705.753.180
141 1. Hàng tồn kho		364.048.121	705.753.180
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		146.250.000	146.900.000
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	146.250.000	146.900.000
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.778.060.070	6.437.719.742
220 II. Tài sản cố định		5.918.098.755	6.252.810.195
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.193.945.355	2.528.656.795
222 - Nguyên giá		4.747.157.547	4.747.157.547
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.553.212.192)	(2.218.500.752)
227 3. Tài sản cố định vô hình	9	3.724.153.400	3.724.153.400
228 - Nguyên giá		3.724.153.400	3.724.153.400
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		766.363.636	-
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	766.363.636	-
260 VI. Tài sản dài hạn khác		93.597.679	184.909.547
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	93.597.679	184.909.547
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		95.059.649.417	82.646.079.121

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		12.392.566.617	9.885.210.749
310 I. Nợ ngắn hạn		12.392.566.617	9.885.210.749
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	718.610.761	449.087.987
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		207.706.600	95.573.600
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.678.546.513	1.700.509.854
314 4. Phải trả người lao động		6.397.832.130	6.051.329.597
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.931.362.691	1.048.595.105
322 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.458.507.922	540.114.606
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.667.082.800	72.760.868.372
410 I. Vốn chủ sở hữu	14	82.667.082.800	72.760.868.372
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		32.000.000.000	32.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		32.000.000.000	32.000.000.000
418 8. Quỹ đầu tư phát triển		30.068.417.532	25.485.938.601
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.598.665.268	15.274.929.771
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.764.957.863	-
421b LNST chưa phân phối năm nay		17.833.707.405	15.274.929.771
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		95.059.649.417	82.646.079.121



Nguyễn Thu Hà
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hải
Kế toán trưởng



Lê Văn Chí
Giám đốc


Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2016

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.059.428.294	70.458.613.813
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.059.428.294	70.458.613.813
11 4. Giá vốn hàng bán		51.995.297.816	43.029.510.726
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.064.130.478	27.429.103.087
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	3.067.895.192	2.270.451.581
22 7. Chi phí tài chính		-	-
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25 8. Chi phí bán hàng		-	-
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	9.789.318.833	10.086.978.038
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.342.706.837	19.612.576.630
31 11. Thu nhập khác		-	-
32 12. Chi phí khác	17	16.458.064	-
40 13. Lợi nhuận khác		(16.458.064)	-
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.326.248.773	19.612.576.630
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	4.492.541.368	4.337.646.859
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>17.833.707.405</u>	<u>15.274.929.771</u>
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	5.573	4.296


Nguyễn Thu Hà
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hải
Kế toán trưởng




Lê Văn Chí
Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.326.248.773	19.612.576.630
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		334.711.440	334.711.440
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.067.705.415)	(2.270.451.581)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.593.254.798	17.676.836.489
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(8.319.458.746)	13.750.118.299
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		341.705.059	204.682.147
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.520.107.002	2.100.034.886
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		91.961.868	310.180.280
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.615.685.818)	(4.291.356.907)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.295.174.994	4.192.392.819
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.904.274.655)	(6.450.825.578)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.002.784.502	27.492.062.435
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(766.363.636)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.966.072.085	2.178.707.132
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.199.708.449	2.178.707.132
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.208.000.000)	(2.328.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.208.000.000)	(2.328.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.994.492.951	27.342.769.567
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.169.134.202	39.826.364.635
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	71.163.627.153	67.169.134.202


Nguyễn Thu Hà
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hải
Kế toán trưởng


Lê Văn Chí
Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Tư vấn Thiết kế Viettel - theo quyết định số 2513/QĐ-BQP ngày 01/08/2009 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100109106-075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng chẵn), tương đương 3.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khảo sát, thiết kế, giám sát công trình (chủ yếu là các công trình thông tin, bưu chính viễn thông); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; lập, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập, đánh giá hồ sơ mời thầu; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.6 . Hàng tồn kho

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí trực tiếp được tập hợp theo từng công trình và các chi phí chung phân bổ của các công trình đang thực hiện dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu chấp nhận thanh toán. Chi phí sản xuất chung không liên quan trực tiếp đến các công trình được phân bổ cho các công trình hoàn thành và công trình thực hiện dở dang theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành ước tính.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài, Công ty không thực hiện trích khấu hao.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.13 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.



2.14 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	88.517.200	43.864.673
Tiền gửi ngân hàng	4.075.109.953	1.125.269.529
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	67.000.000.000	66.000.000.000
	<u>71.163.627.153</u>	<u>67.169.134.202</u>

(1) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 67.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất từ 4,4%/năm đến 4,8%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	12.176.919.780	3.548.763.896
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn thông	-	1.952.999.400
- Chi nhánh Viettel Nam Định - Tập Đoàn Viễn thông Quân Đội	753.041.580	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.248.329.166	2.352.483.144
	<u>16.178.290.526</u>	<u>7.854.246.440</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 22)	15.183.376.987	5.652.893.261
	<u>15.183.376.987</u>	<u>5.652.893.261</u>

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	-	-	124.500.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	303.738.887	-	202.105.557	-
- Phải thu ngắn hạn khác	125.634.660	-	-	-
	429.373.547	-	326.605.557	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	364.048.121	-	705.753.180	-
	364.048.121	-	705.753.180	-

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua xe ô tô Toyota Hilux G KUN126L- DTFMYU đang chờ hoàn tất thủ tục đăng ký xe. Chi phí mua xe đến thời điểm 31/12/2016 là 766.363.636 đồng.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.349.589.737	430.087.272	1.967.480.538	4.747.157.547
Số dư cuối năm	2.349.589.737	430.087.272	1.967.480.538	4.747.157.547
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	283.312.932	199.726.049	1.735.461.771	2.218.500.752
- Khấu hao trong năm	93.983.592	66.713.772	174.014.076	334.711.440
Số cuối năm	377.296.524	266.439.821	1.909.475.847	2.553.212.192
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2.066.276.805	230.361.223	232.018.767	2.528.656.795
Tại ngày cuối năm	1.972.293.213	163.647.451	58.004.691	2.193.945.355

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 923.396.083 đồng.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn có diện tích 184,9 m² tại H42 đường C4 (khu tái định cư 10ha), KP4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản trên đất là tòa nhà Văn phòng làm việc của Công ty.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê trụ sở làm việc	146.250.000	146.900.000
	146.250.000	146.900.000
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	93.597.679	184.909.547
	93.597.679	184.909.547

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây lắp Viễn thông	-	-	420.599.770	420.599.770
- Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật	328.157.568	328.157.568	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát xây dựng Hoa Việt	231.207.843	231.207.843	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	159.245.350	159.245.350	28.488.217	28.488.217
	718.610.761	718.610.761	449.087.987	449.087.987

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 01

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	863.139.534	732.675.363
- Các khoản bảo hiểm phải trả Tập đoàn Viễn thông Quân đội	530.546.376	249.519.108
- Phải trả lương sản xuất kinh doanh cho cộng tác viên	239.812.781	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	297.864.000	66.400.634
	1.931.362.691	1.048.595.105

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	16.000.000.000	26.935.713.571	18.487.278.030	61.422.991.601
Tăng vốn trong năm trước	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	15.274.929.771	15.274.929.771
Phân phối lợi nhuận	-	-	(18.487.278.030)	(18.487.278.030)
Giảm khác	-	(1.449.774.970)	-	(1.449.774.970)
Số dư cuối năm trước	32.000.000.000	25.485.938.601	15.274.929.771	72.760.868.372
Lãi trong năm nay	-	-	17.833.707.405	17.833.707.405
Phân phối lợi nhuận (*)	-	4.582.478.931	(12.509.971.908)	(7.927.492.977)
Số dư cuối năm nay	32.000.000.000	30.068.417.532	20.598.665.268	82.667.082.800

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ ĐH-VTK ngày 26 tháng 4 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	17.833.707.405
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.527.492.977
Trích Quỹ đầu tư phát triển	4.582.478.931
Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 đồng)	6.400.000.000
	12.509.971.908

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	21.760.000.000	68,00	21.760.000.000	68,00
Tổ chức Công đoàn Công ty	960.000.000	3,00	960.000.000	3,00
Các cổ đông khác	9.280.000.000	29,00	9.280.000.000	29,00
	32.000.000.000	100,00	32.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	32.000.000.000	16.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	16.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	-	32.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	6.400.000.000	2.400.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.200.000	3.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.200.000	3.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu	10.000	10.000

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.067.705.415	2.270.451.581
Doanh thu hoạt động tài chính khác	189.777	-
	3.067.895.192	2.270.451.581

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	8.864.366.772	9.075.658.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423.812.390	413.954.216
Chi phí khác bằng tiền	501.139.671	597.365.390
	9.789.318.833	10.086.978.038

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	22.326.248.773	19.612.576.630
Các khoản điều chỉnh tăng	136.458.064	104.000.000
- <i>Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	136.458.064	104.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.462.706.837	19.716.576.630
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.492.541.368	4.337.646.859
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.182.075.603	1.135.785.651
Thuế TNDN đã nộp trong năm	4.615.685.818	4.291.356.907
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động Kinh doanh	1.058.931.153	1.182.075.603

18 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.833.707.405	15.274.929.771
Các khoản điều chỉnh:	-	(1.527.492.977)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(1.527.492.977)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.833.707.405	13.747.436.794
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.200.000	3.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.573	4.296

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

19 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.694.470.100	4.388.753.091
Chi phí nhân công	26.215.632.298	25.441.083.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	334.711.440	334.711.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.534.138.348	17.705.698.635
Chi phí khác bằng tiền	7.663.959.404	5.041.560.019
	61.442.911.590	52.911.806.617

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.163.627.153	-	67.169.134.202	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.607.664.073	-	8.180.851.997	-
Cộng	87.771.291.226	-	75.349.986.199	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			2.649.973.452	1.497.683.092
Cộng			2.649.973.452	1.497.683.092

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND
Tại ngày 31/12/2016	
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.163.627.153
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.607.664.073
	87.771.291.226
Tại ngày 01/01/2016	
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.169.134.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.180.851.997
	75.349.986.199

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Mẫu B09 - DN
 Từ 1 năm
 trở xuống
 VND

Tại ngày 31/12/2016

Phải trả người bán, phải trả khác

2.649.973.452

2.649.973.452

Tại ngày 01/01/2016

Phải trả người bán, phải trả khác

1.497.683.092

1.497.683.092

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng			
Tập đoàn Viễn thông Quân đội và các đơn vị phụ thuộc	Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ	67.648.595.698	67.611.595.674

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

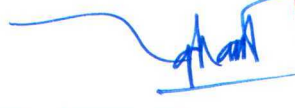
	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Tập đoàn Viễn thông Quân đội và các đơn vị phụ thuộc	Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ	15.183.376.987	5.652.893.261

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thu Hà
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hải
 Kế toán trưởng



Lê Văn Chí
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2017

Phụ lục 01 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	486.612.239	5.970.690.481	6.042.299.044	-	415.003.676
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.182.075.603	4.492.541.368	4.615.685.818	-	1.058.931.153
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	31.822.012	1.727.976.637	1.555.186.965	-	204.611.684
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	1.700.509.854	12.195.208.486	12.217.171.827	-	1.678.546.513

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	80.445.197.244	91.756.036.260
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(36.239.575.050)	(29.078.407.345)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(22.516.055.995)	(20.454.438.471)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.615.685.818)	(4.291.356.907)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.481.193.305	4.498.224.461
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(11.552.289.184)	(14.937.995.563)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.002.784.502	27.492.062.435
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(766.363.636)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.966.072.085	2.178.707.132
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	2.199.708.449	2.178.707.132
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.208.000.000)	(2.328.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(6.208.000.000)	(2.328.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.994.492.951	27.342.769.567
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	67.169.134.202	39.826.364.635
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	71.163.627.153	67.169.134.202

Nguyễn Thu Hà
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hải
Kế toán trưởng



Lê Văn Chí
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2017